

C.Nhân.
ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

Số: 1834/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 30 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết
của ngành lao động thương binh và xã hội tỉnh Đồng Nai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định 1275/QĐ-LĐTBXH ngày 07 tháng 9 năm 2015; Quyết định số 847/QĐ-LĐTBXH ngày 09 tháng 6 năm 2017; Quyết định số 1255/QĐ-LĐTBXH ngày 11 tháng 8 năm 2017; Quyết định số 1593/QĐ-LĐTBXH ngày 10 tháng 10 năm 2017; Quyết định số 1872/QĐ-LĐTBXH ngày 04 tháng 12 năm 2017 của Bộ Lao động Thương binh và xã hội về công bố thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động Thương binh và xã hội tại Tờ trình số 112/TTr-SLĐTBXH ngày 11 tháng 5 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động Thương binh và Xã hội, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Đồng Nai (nội dung & danh mục đính kèm).

Trường hợp thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ thì áp dụng thực hiện theo văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký; thay thế Quyết định số 1763/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Sở Lao động Thương binh và xã hội, UBND cấp huyện, UBND cấp xã, Trung tâm hành chính công tỉnh có trách nhiệm niêm yết, công khai nội dung các thủ tục hành chính này tại trụ sở làm việc, tại Bộ phận một cửa của đơn vị.

Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm in ấn, photo đóng thành quyển Bộ thủ tục hành chính đã được công bố, phát hành đến các đơn vị theo thành phần nơi nhận của quyết định này; Phối hợp với Sở Lao động Thương binh và xã hội cập nhật nội dung Bộ thủ tục hành chính này lên Cơ sở dữ liệu quốc gia.

Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Sở Lao động Thương binh và xã hội cập nhật nội dung, quy trình giải quyết từng thủ tục hành chính lên Phần mềm một cửa điện tử (Egov) của tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Lao động Thương binh và xã hội, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa; Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn; Trung tâm hành chính công tỉnh, Trung tâm kinh doanh VNPT và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó Chủ tịch UBND tỉnh (Trần Văn Vĩnh);
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (VPCP);
- Văn phòng UBND tỉnh, Sở Công Thương;
- Sở Nội vụ, Sở Thông tin và Truyền thông;
- Đài Phát thanh truyền hình Đồng Nai;
- Báo Đồng Nai; Báo Lao động Đồng Nai;
- Trung tâm hành chính công tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Trung tâm kinh doanh VNPT;
- Lưu: VT, HCC, KSTTHC.





THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
NGÀNH LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TỈNH ĐỒNG NAI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1834/QĐ-UBND ngày 30/5/2018
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Phần I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Trang
A	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH	
I	Lĩnh vực Việc làm - an toàn lao động	
1	Thủ tục Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	01
2	Thủ tục Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	10
3	Thủ tục xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động	16
4	Thủ tục Cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	21
5	Thủ tục Cấp lại giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	23
6	Thủ tục Gia hạn giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	24
7	Thủ tục đăng ký Hợp đồng cá nhân	26
8	Thủ tục Giải quyết hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động	31
9	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn vệ sinh lao động Hạng A (đối với tổ chức, doanh nghiệp do cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định thành lập; doanh nghiệp, đơn vị do địa phương quản lý)	34
10	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn vệ sinh lao động đối với trường hợp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận Hạng A của tổ chức, doanh nghiệp do cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; doanh nghiệp, đơn vị do địa phương quản lý	40

11	Thủ tục gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn vệ sinh lao động Hạng A của tổ chức, doanh nghiệp do cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; doanh nghiệp, đơn vị do địa phương quản lý	41
12	Thủ tục giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp	43
13	Thủ tục tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp	47
14	Thủ tục tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp	48
15	Thủ tục chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp	51
16	Thủ tục chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (chuyển đi)	55
17	Thủ tục chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (chuyển đến)	58
18	Thủ tục giải quyết hỗ trợ học nghề	59
19	Thủ tục hỗ trợ tư vấn, giới thiệu việc làm	63
20	Thủ tục Thông báo về việc tìm kiếm việc làm hằng tháng	67
21	Thủ tục Khai báo với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội địa phương khi đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về vật tư lao động	69
22	Thủ tục Thu hồi Giấy phép lao động	70
23	Thủ tục Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài	72
II	Lĩnh vực Dạy nghề	
24	Thủ tục thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	77
25	Thủ tục thành lập phân hiệu của trường trung cấp công lập thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và phân hiệu của trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	79
26	Thủ tục chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	81
27	Thủ tục giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	83

28	Thủ tục chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, và phân hiệu của trường trung cấp tư thục trên địa bàn.	85
29	Thủ tục đổi tên trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	87
30	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp, doanh nghiệp	88
31	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp, doanh nghiệp	92
32	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp	97
33	Thủ tục cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	100
34	Thủ tục cho phép mở phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài (trong cùng một tỉnh, thành phố với trụ sở chính của trường trung cấp)	102
35	Thủ tục cho phép mở phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài (tại các tỉnh, thành phố khác với tỉnh, thành phố nơi đặt trụ sở chính của trường trung cấp)	104
36	Thủ tục sáp nhập, chia tách trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	107
III.	Lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội	
37	Thủ tục cấp giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	109
38	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	118
39	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	119
40	Thủ tục gia hạn giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	123
41	Thủ tục đề nghị chấm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân	126
42	Thủ tục đưa người nghiện ma túy, người bán dâm tự nguyện vào cai nghiện, chữa trị, phục hồi tại Trung tâm Chữa bệnh Giáo dục-Lao động xã hội (Cơ sở Điều trị nghiện ma túy Đồng Nai)	130
43	Thủ tục chế độ thăm gặp thân nhân đối với học viên tại Trung tâm Chữa bệnh-Giáo dục-Lao động xã hội	134

44	Thủ tục nghỉ chịu tang của học viên tại Trung tâm Chữa bệnh-Giáo dục-Lao động xã hội	138
IV	Lĩnh vực Lao động-Tiền lương Bảo hiểm xã hội	
45	Thủ tục đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp	139
46	Thủ tục “Phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao thực hiện, quỹ tiền lương thực hiện năm trước và quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố làm chủ sở hữu”	140
47	Thủ tục “Xếp hạng công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố làm chủ sở hữu (hạng Tổng công ty và tương đương, hạng I, hạng II, hạng III)”.	142
V	Lĩnh vực Người có công	
48	Thủ tục giải quyết chế độ đối với thương binh đồng thời là người hưởng chế độ mất sức lao động	144
49	Thủ tục hưởng mai táng phí, trợ cấp một lần khi người có công với cách mạng từ trần (liên thông)	148
50	Thủ tục giải quyết trợ cấp tiền tuất hàng tháng cho thân nhân khi người có công với cách mạng từ trần (liên thông)	149
51	Thủ tục hưởng lại chế độ ưu đãi đối với người có công hoặc thân nhân trong các trường hợp: - Bị tạm đình chỉ chế độ do bị kết án tù đã chấp hành xong hình phạt tù; - Bị tạm đình chỉ do xuất cảnh trái phép nay trở về nước cư trú; - Đã đi khỏi địa phương nhưng không làm thủ tục di chuyển hồ sơ nay quay lại đề nghị tiếp tục hưởng chế độ; - Bị tạm đình chỉ chế độ chờ xác minh của cơ quan điều tra	151
52	Thủ tục giải quyết chế độ đối với thân nhân liệt sĩ (liên thông)	155
53	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ đi lấy chồng hoặc vợ khác	158
54	Thủ tục giải quyết chế độ đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến (liên thông)	159
55	Thủ tục giải quyết chế độ đối với thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	165
56	Thủ tục giám định vết thương còn sót	167

57	Thủ tục giải quyết chế độ đối với thương binh đồng thời là bệnh binh	168
58	Thủ tục giải quyết hưởng chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học (liên thông)	172
59	Thủ tục giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học (liên thông)	178
60	Thủ tục giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày (liên thông)	184
61	Thủ tục giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế (liên thông)	189
62	Thủ tục giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng (liên thông)	190
63	Thủ tục sửa đổi thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công	192
64	Thủ tục di chuyển hồ sơ người có công với cách mạng	193
65	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ (liên thông)	195
66	Thủ tục giải quyết chế độ ưu đãi đối với Bà mẹ Việt Nam anh hùng (liên thông)	199
67	Thủ tục giám định lại thương tật do vết thương cũ tái phát và điều chỉnh chế độ	200
68	Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế, người có công giúp đỡ cách mạng đã chết (liên thông)	202
69	Thủ tục xác nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với người bị thương không thuộc lực lượng công an, quân đội trong chiến tranh từ ngày 31/12/1991 trở về trước không còn giấy tờ	204
70	Thủ tục bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ (liên thông)	206
71	Thủ tục đính chính thông tin trên bia mộ liệt sĩ	210
72	Thủ tục lập Sổ theo dõi và cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình (liên thông)	211
73	Thủ tục thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ (liên thông)	213
74	Thủ tục giải quyết một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang	215

	Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (liên thông)	
75	Thủ tục hỗ trợ, di chuyển hài cốt liệt sĩ	221
76	Thủ tục cấp bằng “Tổ quốc ghi công” đối với những trường hợp thân nhân liệt sĩ đã được giải quyết chế độ ưu đãi trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 nhưng chưa được cấp Bằng	222
77	Thủ tục Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Cam – pu – chia	224
VI	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội	
78	Thủ tục quyết định công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật	233
79	Thủ tục gia hạn quyết định công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật	234
80	Thủ tục tiếp nhận đối tượng là người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn vào các cơ sở trợ giúp trẻ em (liên thông)	235
81	Thủ tục đưa đối tượng ra khỏi cơ sở trợ giúp trẻ em	240
82	Thủ tục “Đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội”	241
83	Thủ tục “Đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội”	247
84	Thủ tục “Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội”	248
85	Thủ tục “Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền cấp phép của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội”	252
86	Thủ tục “Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp”	255
87	Thủ tục “Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh”	256
88	Thủ tục “Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh”	259

89	Thủ tục “Tiếp nhận đối tượng tự nguyện vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh”	260
90	Thủ tục “Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh”	264
B	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH, HUYỆN, XÃ	
I	Lĩnh vực Bảo vệ chăm sóc trẻ em và Bình đẳng giới	
1	Thủ tục “Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em”.	267
2	Thủ tục “Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em”.	269
C	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN	
I	Lĩnh vực Phòng chống tệ nạn xã hội	
1	Thủ tục hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	270
II	Lĩnh vực Lao động-Tiền lương Bảo hiểm xã hội	
2	Thủ tục gửi thang lương, bảng lương, định mức lao động của doanh nghiệp.	272
III	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội	
3	Thủ tục thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng cho đối tượng bảo trợ xã hội (bao gồm cả người khuyết tật; người khuyết tật mang thai, nuôi con dưới 36 tháng tuổi)	273
4	Thủ tục thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.	289
5	Thủ tục thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.	290
6	Thủ tục hỗ trợ kinh phí nhận nuôi dưỡng, chăm sóc đối tượng cần sự bảo vệ khẩn cấp.	291
7	Thủ tục hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội (bao gồm cả người khuyết tật đặc biệt nặng).	292
8	Thủ tục hỗ trợ kinh phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng.	302
9	Thủ tục trợ giúp xã hội đột xuất đối với người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc.	303
10	Thủ tục thực hiện hỗ trợ kinh phí chăm sóc đối với hộ gia đình có	304

	người khuyết tật đặc biệt nặng.	
11	Thủ tục “Đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội”	309
12	Thủ tục “Đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội”	315
13	Thủ tục “Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội”	316
14	Thủ tục “Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền cấp phép của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội”	319
15	Thủ tục “Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp”	323
16	Thủ tục “Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện”	324
17	Thủ tục “Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện”	327
18	Thủ tục “Tiếp nhận đối tượng tự nguyện vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện”	328
19	Thủ tục “Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện”	332
IV	Lĩnh vực Người có công	
20	Thủ tục cấp giấy giới thiệu đi thăm viếng mộ liệt sĩ và hỗ trợ thăm viếng mộ liệt sĩ	334
21	Thủ tục hỗ trợ người có công đi làm phương tiện, dụng cụ trợ giúp chính hình; đi điều trị phục hồi chức năng	338
V	Lĩnh vực Dạy nghề	
22	Thủ tục cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	341
D	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ	
I	Lĩnh vực Phòng chống tệ nạn xã hội	
1	Thủ tục quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia	344

	đình	
2	Thủ tục quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng	347
3	Thủ tục hoãn chấp hành quyết định cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng	349
4	Thủ tục miễn chấp hành quyết định cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng	350
II	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội	
5	Thủ tục xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật.	351
6	Thủ tục đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật.	355
7	Thủ tục trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở.	358
8	Thủ tục trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ chi phí mai táng phí.	361
9	Thủ tục xác nhận hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2016-2020 thuộc diện đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế.	364
10	Thủ tục “Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn”	367
III	Lĩnh vực Bảo vệ - chăm sóc trẻ em và Bình đẳng giới	
11	Thủ tục “Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt”	369
12	Thủ tục “Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em”.	371
13	Thủ tục “Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình”	373
14	Thủ tục “Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế”.	375
IV	Lĩnh vực Người có công	
15	Thủ tục xác nhận vào đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ; đơn đề nghị thăm viếng mộ liệt sĩ	377
16	Thủ tục ủy quyền hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi	382